



**QUY TRÌNH
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN
NHẬP KHẨU SỬ DỤNG LÀM GIỐNG
HOẶC SỬ DỤNG MỤC ĐÍCH KHÁC**

Mã số: V601-12

Ngày ban hành: 15/4/2026 .

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 1/11

1. Những người có liên quan phải đọc, hiểu và thực hiện theo đúng nội dung của quy định này.
2. Nội dung trong quy định này có hiệu lực như sự chỉ đạo của Ban Lãnh đạo.
3. Mỗi bộ phận chỉ được phân phối duy nhất 01 bản (có đóng dấu kiểm soát), các bản sao có mã số khác với bản này phải được loại bỏ ngay, tuyệt đối không được sử dụng.

PHÂN PHỐI TÀI LIỆU

TT	NƠI NHẬN	TT	NƠI NHẬN
☐	Chi cục trưởng	☐	Trạm KDDV Cảng Biển
☐	Phó Chi cục trưởng	☐	Trạm KDDV Sân bay Tân Sơn Nhất
☐	P. Tổng hợp	☐	Trạm KDDV Sân bay Long Thành
☐	P. Chăn nuôi và Thú y	☐	Trạm KDDV Mộc Bài và Bình Hiệp

THEO DÕI SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Lần sửa đổi	Ngày sửa đổi	Nội dung và hạng mục sửa đổi
01	27/10/2025	Bổ sung Mục “6. NGUYÊN TẮC VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN” Điều chỉnh Mục “6. HỒ SƠ LƯU” thành Mục “7. HỒ SƠ LƯU”
02	15/4/2026	Cập nhật mới quy trình theo các quy định mới hiện hành.

	Soạn thảo/ sửa đổi	Xem xét	Phê duyệt
Chức vụ	Kiểm dịch viên chính	Phó Chi cục trưởng	Chi cục trưởng
Chữ ký		 	
Họ và tên	Nguyễn Ngọc Quý	Trần Đức Trung	Phạm Trung Kiên



**QUY TRÌNH
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN
NHẬP KHẨU SỬ DỤNG LÀM GIỐNG
HOẶC SỬ DỤNG MỤC ĐÍCH KHÁC**

Mã số: V601-12

Ngày ban hành: 15/4/2026

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 2/11

1. MỤC ĐÍCH:

Quy trình này quy định trình tự, thủ tục thực hiện kiểm dịch đối với động vật thủy sản nhập khẩu để tiêu thụ trong nước qua các cửa khẩu trên địa bàn các tỉnh, thành phố thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG:

Áp dụng đối với:

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu động vật thủy sản để tiêu thụ trong nước qua các cửa khẩu trên địa bàn các tỉnh, thành phố thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI.

- Các đơn vị trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI có trách nhiệm thực hiện quy trình này.

3. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Luật Thú y 2015;

Luật Thủy sản 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 2026;

Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05/4/2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;

	QUY TRÌNH KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU SỬ DỤNG LÀM GIỐNG HOẶC SỬ DỤNG MỤC ĐÍCH KHÁC	Mã số: V601-12
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 3/11

Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;

Thông tư số 12/2024/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 12/12/2024.

Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật;

Thông tư số 14/2018/TT-BNNPTNT ngày 29/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành danh mục sản phẩm hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Thông tư số 01/2024/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y;

Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục Hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục Hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

Thông tư số 02/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc Quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

	QUY TRÌNH KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU SỬ DỤNG LÀM GIỐNG HOẶC SỬ DỤNG MỤC ĐÍCH KHÁC	Mã số: V601-12
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 4/11

Quyết định số 318/QĐ-BNNMT ngày 26/01/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Quyết định số 1300/QĐ-BNNMT ngày 07/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI trực thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y.

Quyết định số 86/QĐ-CNTYV6 ngày 04/02/2026 Về việc ủy quyền cấp và thu hồi giấy chứng nhận về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, thông báo kết quả xác nhận an toàn thực phẩm nhập khẩu cho các Trạm Kiểm dịch động vật trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI.

4. ĐỊNH NGHĨA (Các thuật ngữ, từ viết tắt có trong quy trình)

Trong quy trình này, các từ viết tắt được hiểu như sau:

TT03: Thông tư 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

HS: Hồ sơ.

GCNKD: Giấy chứng nhận kiểm dịch.

Đơn vị kiểm dịch động vật: Các phòng/trạm trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI thực hiện công tác kiểm dịch xuất, nhập khẩu.

KDVĐV: Người làm công tác kiểm dịch được Lãnh đạo Chi cục, Lãnh đạo các đơn vị kiểm dịch phân công.

Chủ hàng: Tổ chức, cá nhân làm thủ tục khai báo kiểm dịch.



QUY TRÌNH
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN
NHẬP KHẨU SỬ DỤNG LÀM GIỐNG
HOẶC SỬ DỤNG MỤC ĐÍCH KHÁC

Mã số: V601-12

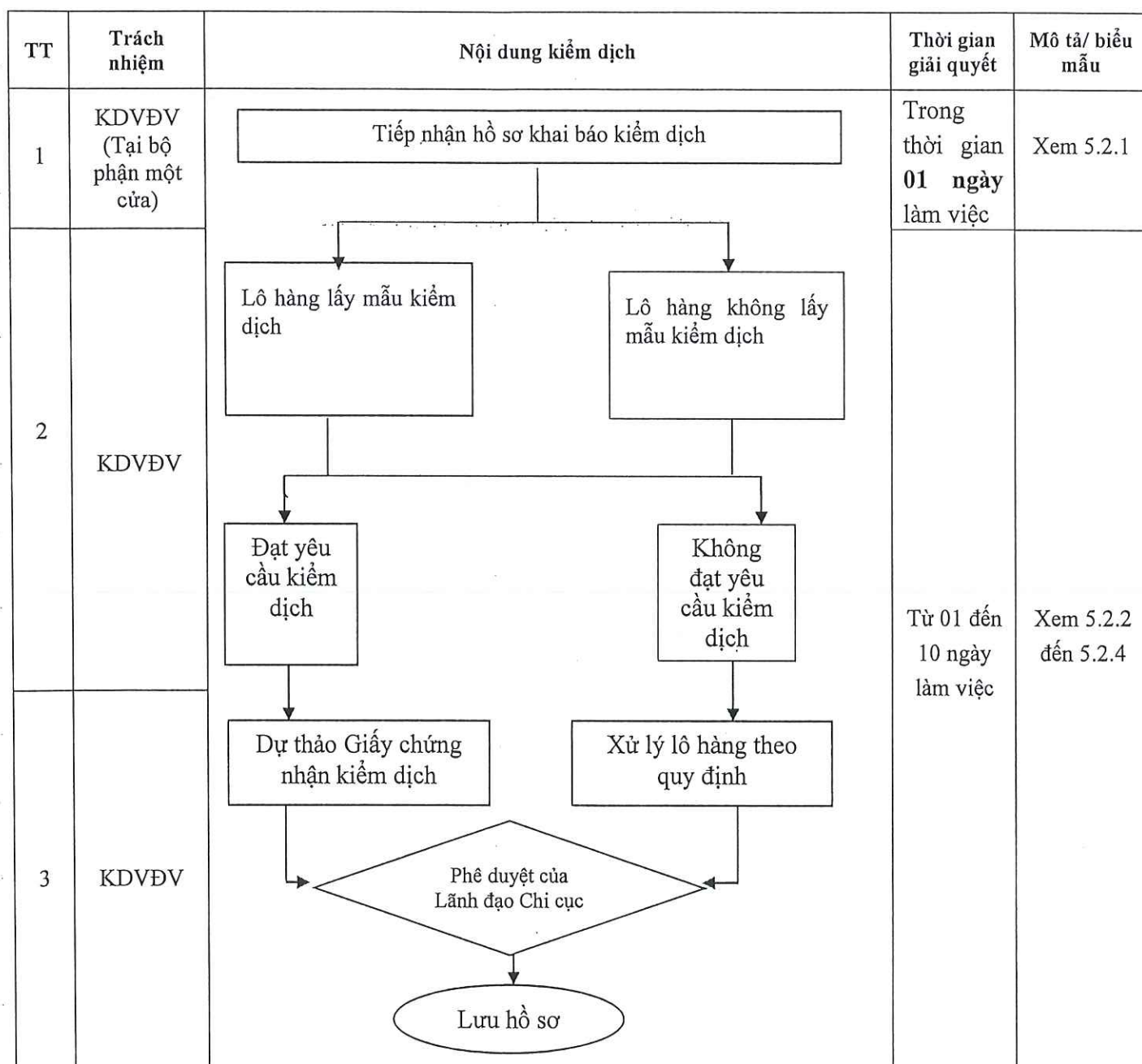
Ngày ban hành: 15/4/2026

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 5/11

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH:

5.1. Lưu đồ



	QUY TRÌNH KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU SỬ DỤNG LÀM GIỐNG HOẶC SỬ DỤNG MỤC ĐÍCH KHÁC	Mã số: V601-12
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 6/11

5.2. Diễn giải lưu đồ

5.2.1. Tiếp nhận hồ sơ khai báo kiểm dịch

Chủ hàng khi nhập khẩu động vật thủy sản có trong Mục I Phụ lục I của Thông tư 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 phải nộp hồ sơ khai báo kiểm dịch với Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu (khoản 4 điều 11 TT03).

5.2.1.1. Hình thức nộp hồ sơ: Qua Cổng thông tin Một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi hồ sơ bản chính (khoản 2 điều 11 TT03).

5.2.1.2. Thành phần hồ sơ khai báo kiểm dịch gồm có:

- a) Đơn khai báo kiểm dịch (mẫu số 03TS phụ lục V TT03)
- b) Văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch nhập khẩu của Cục Chăn nuôi và Thú y;
- c) Bản chụp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu (có xác nhận của doanh nghiệp, sau đó chủ hàng phải gửi bản gốc khi kiểm tra hàng hóa hoặc khi kiểm tra hồ sơ đối với trường hợp lô hàng chỉ kiểm tra hồ sơ) hoặc bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu;

Trường hợp Cục Chăn nuôi và Thú y và Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu có thống nhất về chứng nhận điện tử thì sử dụng Giấy chứng nhận kiểm dịch điện tử;

d) Bản chụp vận tải đơn hoặc chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương có xác nhận của doanh nghiệp.

đ) Giấy phép Cites xuất, nhập (bản sao) đối với thủy sản nằm trong danh mục quản lý Cites (nếu có);

e) Các giấy tờ khác có liên quan (nếu có).

Trường hợp hồ sơ khai báo kiểm dịch không hợp lệ, KDVDV được phân công hướng dẫn chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc trực tiếp hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do.

5.2.1.3. Xác nhận địa điểm kiểm dịch (khoản 5 Điều 11 TT03)

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu xác nhận vào Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V (TT 03) và thông báo cho chủ hàng về thời gian, địa điểm để tiến hành kiểm dịch.

5.2.1.4. Nội dung kiểm dịch

	QUY TRÌNH KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU SỬ DỤNG LÀM GIỐNG HOẶC SỬ DỤNG MỤC ĐÍCH KHÁC	Mã số: V601-12
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 7/11

a) Tại cửa khẩu nhập hoặc nơi tập kết hàng hóa:

KDVSĐV thực hiện:

- Kiểm tra tình trạng lâm sàng của động vật; nếu động vật khỏe mạnh không có dấu hiệu mắc bệnh; lập Biên bản ghi nhận tình trạng VSĐV động vật, SPĐV thủy sản (mẫu 13 TS, phụ lục V) đối với lô hàng không lấy mẫu kiểm dịch.

- Lấy mẫu xét nghiệm các bệnh theo quy định tại phụ lục IV của TT03 hoặc theo văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y; đối với động vật thủy sản giống, cảnh, việc lấy mẫu được thực hiện tại cửa khẩu nhập hoặc nơi nuôi cách ly kiểm dịch;

- Lập Biên bản kiểm tra và lấy mẫu xét nghiệm (mẫu 19TS phụ lục V của TT03);

- Hướng dẫn chủ hàng thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc.

Sau khi lấy mẫu, KDVSĐV thực hiện mã hóa, lập Phiếu yêu cầu xét nghiệm và gửi mẫu đến phòng thử nghiệm thuộc hoặc trực thuộc cơ quan Chăn nuôi và Thú y, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định của pháp luật về đánh giá sự phù hợp (lĩnh vực thử nghiệm liên quan đến các chỉ tiêu xét nghiệm bệnh động vật). Thời gian lấy mẫu và chuyển mẫu theo quy định.

Cấp Giấy chứng nhận vận chuyển động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu về nơi cách ly kiểm dịch (Mẫu 10TS phụ lục V của TT03).

Hình thức cấp Giấy chứng nhận vận chuyển động vật thủy sản nhập khẩu về nơi cách ly kiểm dịch: bản điện tử trong trường hợp hồ sơ được gửi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công; bản giấy trong trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử hoặc fax hoặc gửi trực tiếp hoặc theo yêu cầu của chủ hàng;

b) Tại nơi cách ly kiểm dịch:

KDVSĐV thực hiện:

- Hướng dẫn chủ hàng thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc;

- Lấy mẫu xét nghiệm các bệnh theo quy định tại phụ lục IV của TT03 hoặc theo văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch của Cục Thú y; đối với động vật thủy sản giống, việc lấy mẫu được thực hiện tại cửa khẩu nhập hoặc nơi nuôi cách ly kiểm dịch;

- Lập Biên bản kiểm tra và lấy mẫu xét nghiệm (mẫu 19TS phụ lục V của TT03);

Sau khi lấy mẫu, KDVSĐV thực hiện mã hóa, lập Phiếu yêu cầu xét nghiệm và gửi mẫu đến phòng thử nghiệm thuộc hoặc trực thuộc cơ quan Chăn nuôi và Thú y, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định của pháp luật về đánh giá sự phù hợp (lĩnh vực thử nghiệm

	QUY TRÌNH		Mã số: V601-12
	KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU SỬ DỤNG LÀM GIỐNG HOẶC SỬ DỤNG MỤC ĐÍCH KHÁC		Ngày ban hành: 15/4/2026
			Lần sửa đổi: 02
			Trang/Tổng số: 8/11

liên quan đến các chỉ tiêu xét nghiệm bệnh động vật). Thời gian lấy mẫu và chuyển mẫu theo quy định.

Thời gian nuôi cách ly kiểm dịch: Không quá 10 ngày đối với động vật thủy sản làm giống, không quá 03 ngày đối với động vật thủy sản thương phẩm kể từ ngày cách ly kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn thời gian nêu trên thì đơn vị kiểm dịch động vật thông báo đến chủ hàng bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Theo dõi cách ly kiểm dịch

+ Đối với động vật thủy sản có lấy mẫu xét nghiệm: Ngay sau khi có kết quả xét nghiệm bệnh đạt yêu cầu (bản gốc), động vật thủy sản giống khỏe mạnh, KDVĐV thực hiện kiểm tra để kết thúc cách ly kiểm dịch (lập Biên bản ghi nhận tình trạng VSTY động vật, SPĐV thủy sản theo mẫu 13TS Phụ lục V của TT03. Nếu kết quả xét nghiệm không đạt yêu cầu hoặc động vật thủy sản chết trong thời gian theo dõi cách ly thì xử lý theo quy định.

+ Đối với động vật thủy sản không lấy mẫu xét nghiệm: Sau khi đưa về nơi cách ly kiểm dịch tối thiểu 01 (một) ngày làm việc, động vật thủy sản khỏe mạnh, KDVĐV thực hiện kiểm tra để kết thúc cách ly kiểm dịch (lập Biên bản ghi nhận tình trạng VSTY động vật, SPĐV thủy sản theo mẫu 13TS phụ lục V của TT03. Chỉ lấy mẫu xét nghiệm bệnh thủy sản nếu phát hiện động vật thủy sản có dấu hiệu mắc bệnh được quy định tại Phụ lục III của TT03. Động vật thủy sản chết trong thời gian theo dõi cách ly thì xử lý theo quy định.

+ Đối với thủy sản thương phẩm: Sau khi đưa về nơi cách ly kiểm dịch tối thiểu 01 ngày, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu mẫu 11 TS Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này đối với động vật khỏe mạnh; trường hợp phải lấy mẫu kiểm tra thì thực hiện theo điểm a khoản này.

5.2.2. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu

Sau khi có báo cáo kết thúc cách ly kiểm dịch, KDVĐV dự thảo về nội dung của GCNKD theo mẫu 11TS của Phụ lục V ban hành theo TT03 trình Lãnh đạo đơn vị xem xét trước khi trình Lãnh đạo Chi cục/Lãnh đạo đơn vị được ủy quyền phê duyệt và phát hành cho chủ hàng.

Thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nơi đến qua môi trường điện tử các thông tin: số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, số lượng hàng hóa ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

5.2.3. Xử lý lô hàng không đạt

Trường hợp động vật thủy sản không đạt yêu cầu thì lập Biên bản và xử lý theo quy định.

	QUY TRÌNH KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU SỬ DỤNG LÀM GIỐNG HOẶC SỬ DỤNG MỤC ĐÍCH KHÁC	Mã số: V601-12
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 9/11

Báo cáo Cục Chăn nuôi và Thú y.

5.2.4. Thu phí và lệ phí kiểm dịch

Đơn vị kiểm dịch động vật thực hiện thu phí và lệ phí kiểm dịch theo quy định.

5.2.5. Phê duyệt của lãnh đạo chi cục

Căn cứ nội dung dự thảo GCNKD hoặc văn bản đề xuất xử lý lô hàng không đạt yêu cầu, Lãnh đạo Chi cục/Lãnh đạo đơn vị được ủy quyền thực hiện việc phê duyệt:

- Nếu đồng ý với dự thảo GCNKD hoặc văn bản đề xuất xử lý lô hàng không đạt yêu cầu thì Lãnh đạo chi cục/Lãnh đạo đơn vị được ủy quyền phê duyệt.
- Nếu không đồng ý với dự thảo GCNKD hoặc văn bản đề xuất xử lý lô hàng không đạt yêu cầu thì Lãnh đạo chi cục/Lãnh đạo đơn vị được ủy quyền cho ý kiến.

5.2.6. Phát hành GCNKD hoặc Quyết định xử lý lô hàng.

Sau khi Lãnh đạo Chi cục/Lãnh đạo đơn vị được ủy quyền phê duyệt giấy chứng nhận kiểm dịch hoặc Quyết định xử lý lô hàng; đơn vị kiểm dịch động vật gửi giấy chứng nhận kiểm dịch (đối với hồ sơ giấy hay khi chủ hàng có yêu cầu) hoặc quyết định xử lý lô hàng cho chủ hàng. Lưu hồ sơ theo qui định.

6. NGUYÊN TẮC VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

- Bộ phận Một cửa chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo đơn vị về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ khai báo kiểm dịch theo quy định pháp luật; Theo dõi, đôn đốc tiến độ xử lý hồ sơ và cảnh báo khi gần hết hạn.
- Kiểm dịch viên được phân công tiếp nhận hồ sơ khai báo kiểm dịch chịu trách nhiệm trước Trưởng bộ phận Một cửa về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ khai báo kiểm dịch theo quy định pháp luật.
- Phòng/Trạm được phân công có trách nhiệm thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy Chứng nhận kiểm dịch do Phòng mình thực hiện, chịu trách nhiệm tính hợp lệ của hồ sơ kiểm dịch và nội dung chứng nhận kiểm dịch.
- Kiểm dịch viên trực tiếp xử lý hồ sơ chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Phòng, Trạm về kết quả giải quyết hồ sơ; Giải trình về lý do chậm trễ đối với từng hồ sơ cụ thể.

	QUY TRÌNH KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU SỬ DỤNG LÀM GIỐNG HOẶC SỬ DỤNG MỤC ĐÍCH KHÁC	Mã số: V601-12
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 10/11

- Lãnh đạo Phòng, Trạm chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Chi cục về tính hợp lệ của toàn bộ hồ sơ kiểm dịch; có trách nhiệm giải trình trước Lãnh đạo Chi cục về việc chậm, muộn trong giải quyết hồ sơ và các vi phạm (nếu có).

- Đối với hồ sơ quá hạn theo thời gian hẹn dự kiến trả kết quả, trong thời gian không quá 01 ngày kể từ ngày hết hạn, Kiểm dịch viên xử lý dự thảo văn bản thông báo gửi lên BPMC kèm theo văn bản xin lỗi và hẹn ngày dự kiến trả kết quả gửi tổ chức, các nhân theo mẫu. Lãnh đạo đơn vị ký văn bản xin lỗi và hẹn ngày trả kết quả gửi tổ chức, cá nhân theo quy định.

7. HỒ SƠ LƯU

Loại hồ sơ	Hình thức lưu	Trách nhiệm lưu	Thời gian lưu
1. Hồ sơ chủ hàng nộp: - Đơn khai báo kiểm dịch (mẫu 03TS của TT03); - Giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu; - Công văn đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch nhập khẩu của Cục Chăn nuôi và Thú y; - Giấy phép Cites xuất, nhập (bản sao) đối với thủy sản nằm trong danh mục quản lý Cites (nếu có); - Các giấy tờ khác có liên quan (nếu có). 2. Hồ sơ đơn vị kiểm dịch quản lý lô hàng - Hồ sơ chủ hàng nộp; - Biên bản kiểm tra và lấy mẫu xét nghiệm (mẫu 19TS, phụ lục V của TT03) đối với lô hàng lấy mẫu; - Biên bản ghi nhận tình trạng vệ sinh thú y động vật, sản phẩm động vật thủy sản (mẫu 13TS, phụ lục V của TT 03) tại cửa khẩu nhập và tại nơi cách ly kiểm dịch; - Giấy CNKD vận chuyển động vật, SPĐV thủy sản nhập khẩu (mẫu 10TS, phụ lục V của TT 03); - Phiếu yêu cầu xét nghiệm đối với lô hàng lấy mẫu; - Kết quả xét nghiệm đối với lô hàng lấy mẫu; - Giấy CNKD động vật thủy sản nhập khẩu (mẫu 11TS, phụ lục V của TT03); - Biên bản vi phạm hành chính (nếu có);	Phương pháp lưu: Bản cứng lưu trong các cặp file	Cơ quan	02 Năm

	QUY TRÌNH KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU SỬ DỤNG LÀM GIỐNG HOẶC SỬ DỤNG MỤC ĐÍCH KHÁC	Mã số: V601-12
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 11/11

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (nếu có); - Phiếu đề xuất hướng xử lý lô hàng (nếu có); - Công văn đề nghị xử lý lô hàng (nếu có); - Quyết định xử lý lô hàng (nếu có); - Công văn phối hợp với Hải quan xử lý lô hàng (nếu có); - Biên bản xử lý vệ sinh thú y động vật, sản phẩm động vật thủy sản (mẫu 22TS, phụ lục của TT03) đối với việc xử lý thủy sản chết hoặc dương tính với mầm bệnh (nếu có).			
--	--	--	--